

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/ TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 44/TB-SGDĐT ngày 04/04/2025 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của trường THPT Hùng Vương (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT (để báo cáo)
- Như điều 3
- Lưu Văn thư

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]

Trịnh Đức Tiến

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Hùng Vương

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 100/QĐ- THPTHV ngày 08/4/2025 của trường THPT Hùng Vương)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu	1.133.419.647	1.133.419.647		
1	Học phí	121.855.000	121.855.000		
2	Phí tuyển sinh	0	0		
3	Dạy thêm, học thêm	830.991.000	830.991.000		
4	Tài trợ	16.100.000	16.100.000		
5	Thu theo NQ số 06/2021/NQ-HĐND	143.990.000	143.990.000		
6	Chăm sóc sức khoẻ ban đầu	20.483.647	20.483.647		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.222.768.733	1.222.768.733		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.222.768.733	1.222.768.733		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.310.501.008	9.310.501.008		
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.310.501.008	9.310.501.008		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.310.501.008	9.310.501.008		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.621.146.844	7.621.146.844		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.689.354.164	1.689.354.164		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				